

Cưỡi Ngựa Xem Hoa Qua Vùng TEXAS

(Sưu tầm, gạn lọc và tổng hợp tài liệu để giới thiệu một phần rất giới hạn trong giai đoạn lịch sử hình thành tiểu bang Texas)

Bài của Nguyễn Giu Hùng

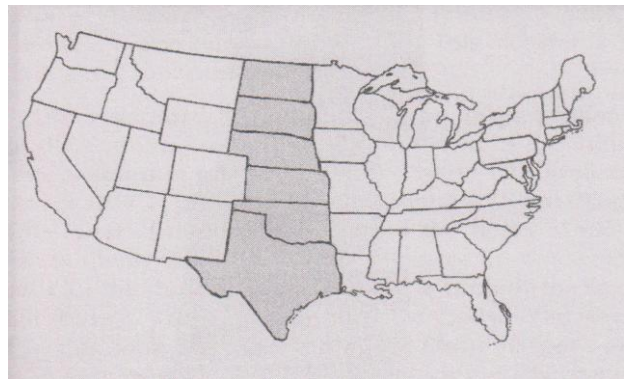
Chúng tôi lại có dịp về Shreveport, một thành phố hiền hòa ở miền Bắc tiểu bang Louisiana, để thăm gia đình và ông bà “bảo trợ” (sponsor) cho gia đình chúng tôi trong những ngày đầu tiên đặt chân lên đất Mỹ. Khi tôi trở lại đây lần này, mọi cảnh vật thì vẫn cứ như xưa nhưng những “người xưa” thì đã có nhiều thay đổi. Cái “con bé” Mỹ còn con hàng xóm sát cạnh nhà tôi năm xưa nay đã trở thành cô thiếu nữ tay bông tay bế, tay xách nách mang rồi. Thời gian sao đi nhanh quá. Tôi ở chơi vài ngày thì được vợ chồng cô em nhà tôi “đãi” chúng tôi một chuyến du lịch Texas để “thăm dân cho biết sự tình.” Chúng tôi hăm hở nhận ngay món quà quý báu ấy.

Sáng sớm hôm sau, chúng tôi dậy sớm để chuẩn bị cho chuyến đi chơi xa. Tôi ngồi nhâm nhi tách cà phê nhìn ra ngoài trời. Màn trời vẫn như còn phủ lớp sương mai mờ nhạt, khung cảnh thật thanh bình, khác hẳn với San Jose náo nhiệt. Rồi giờ khởi hành đã đến. Từ Shreveport, chúng tôi sẽ lấy Xa lộ 20 thẳng tiến về Dallas, Texas. Triều, tên người em cột chèo của tôi lái xe, còn tôi ngồi bên cạnh và tất nhiên là hai bà ngồi ở hàng ghế dưới để tha hồ ngủ, ngủ gà ngủ gật cũng được mà ngủ say cũng được, nghĩa là có thể ngủ nhiều hơn thức trên suốt cuộc hành trình trên xa lộ. Tôi và Triều sẽ được tha hồ nói chuyện với nhau.

Dọc theo xa lộ từ Shreveport đến biên giới Texas, rừng thông mọc hai bên đường đã dần hiện ra xanh ngắt một màu dưới ánh sáng ban mai. Thỉnh thoảng mới có một vài loại cây khác lạ xen kẽ vào một cách hiếm hoi. Nhìn thông mãi cũng chán, cứ một điệu *monotone* như thế kéo đến cả trăm dặm nên chúng tôi cứ phải nói chuyện với nhau cho đỡ buồn ngủ. Thế rồi, chúng tôi cũng tới được biên giới của hai tiểu bang Louisiana và Texas khi trời còn sớm. Càng vào sâu nội địa Texas, những cánh rừng thông bạt ngàn dọc theo xa lộ cũng bớt đi để nhường chỗ cho những vùng đất phẳng hay đồi thấp

xanh tươi càng ngày càng được mở rộng ra.

Triều nói : Nếu muốn biết về Texas thì ta cần phải nhìn nó cùng với một khung cảnh tổng thể, nghĩa là với cả một vùng đất rộng lớn có cùng một tính chất đặc thù chung như nhau thuộc cao nguyên rộng lớn gọi là *Great Plains*. Great Plains được giới hạn bởi một dải đất thẳng chạy theo hướng bắc nam, bắt đầu từ biên giới Canada phía bắc chạy xuôi nam tới vịnh Mễ tây cơ với chiều ngang (đông tây) là 400 dặm, chiều dài (nam bắc) là 1600 dặm, gồm sáu (6) tiểu bang : *North Dakota, South Dakota, Nebraska, Kansas, Oklahoma* và *Texas*. (Có sách địa dư phân định cao nguyên Great Plains rộng lớn hơn nhiều với 800 dặm chiều ngang và 2000 dặm chiều dài gồm thêm nhiều tiểu bang nữa và kể cả một phần đất của tỉnh bang *Alberta* thuộc *Canada*). Cứ nhìn thoáng qua thì ta cảm thấy Great Plains như là một dải cao nguyên bằng phẳng được trải dài ra như mặt bàn hay một bãi sa mạc, nhưng thật ra, độ cao của dải đất này đã được nâng cao dần dần từ phía đông với độ cao một nghìn (1000) feet so với mặt biển, sang phía tây với độ cao năm nghìn (5000) feet, càng gần rặng núi *Rocky Mountain* thì độ cao càng tăng nhanh.



Dải cao nguyên này có những nét đặc thù khác biệt hẳn với những vùng đất khác của Hoa Kỳ, đất thì màu mỡ nhưng khô khan, không có nhiều cây xanh hay những cánh rừng. Điều kiện khí hậu khắc

nghiệt ảnh hưởng rất lớn đến sự phát triển kinh tế vào những thời kỳ của những di dân đầu tiên mới đến lập nghiệp tại vùng đất này. Lúa mì và ngô bắp được trồng nhiều ở vùng phía đông, chăn nuôi được phát triển mạnh ở vùng phía tây vì có những cánh đồng cỏ lý tưởng. Kansas đứng đầu cả nước về trồng lúa mì, North Dakota đứng thứ hai.



Vì Great Plains là vùng đất trống, ít cây và rừng, nên khó có thể bảo vệ được đất đai mỗi khi giông bão hay sự thay đổi thời tiết bất ngờ. Vào mùa đông, có nơi tuyết phủ dày tới 15 hay 20 feet. Vào mùa hè, cũng chính những nơi ấy, mùa màng hay gia súc có thể chết vì nóng cháy. Một số vùng mưa rất ít, nước trở nên vô cùng khan hiếm, đôi khi nước còn quý hơn cả đất đai. Hàng nghìn nông trại, chỉ cần có thêm hay ít đi vài *inch* nước mưa là có thể làm thay đổi cục diện mùa màng năm đó, hoặc rất thành công hoặc thất bại hoàn toàn. Đây là chưa kể tới những năm hạn hán, không một giọt mưa, đất trở thành bụi (*dust*), để rồi những trận “bão bụi” (*dust storm*) thổi mạnh làm tàn phá những nông trại hay những thị xã nhỏ, có khi tưởng chừng như

chúng biến mất.

Xe chúng tôi tiến dần vào thành phố *Dallas*. Trái với dự đoán, Dallas lại là thành phố có nhiều cây xanh. Xa lộ mở rộng thênh thang, có chỗ mở rộng tới 5 hàng xe mỗi chiều. Xe cộ chạy như mắc cửi trên mạng lưới xa lộ thành phố, chỉ cần lơ đãng một chút là có thể lạc đường. Từ mấy năm nay, nhiều hãng xưởng mới được xây dựng lên hay những hãng xưởng ở những tiểu bang khác dọn về đây, toàn bộ hay một phần, làm kinh tế Dallas trở nên phồn thịnh đột xuất, Dallas đang có một nền kinh tế *booming*. Nổi theo sự phát triển kinh tế ấy, số nhà cửa được xây dựng lên ào ạt để đáp ứng nhu cầu của những người về đây làm việc. Những khu nhà mới xây mọc lên như nấm. Khác với vùng San Jose tôi ở, đất chật người đông, không còn chỗ phát triển thêm. Trong khi đó, Dallas có nhiều đất trống nên ngành địa ốc tha hồ phát triển mạnh. Nghe nói giá nhà cũng đã tăng cao so với những năm trước đây. Tất nhiên Dallas cũng chịu ảnh hưởng bởi sự suy thoái kinh tế của nước Mỹ trong năm gần đây, nhưng không nhiều.

Chúng tôi lái xe vào khu trung tâm thành phố. Những cao ốc, nhà chọc trời san sát vươn lên trời cao. Sau khi lái xe đi một vòng khu trung tâm thành phố, chúng tôi ghé lại một khu chợ Việt nam để ăn trưa. Dallas là thành phố có nhiều người Việt nam ta định cư và sinh sống. Cứ nhìn những khu thương mại của người Việt buôn bán sầm uất ở đây ta cũng có thể đoán được phần nào sự thành công về mặt kinh tế của “thuyền nhân” ta. Khác với San Jose ở miền Bắc và Los Angeles ở miền Nam California, các khu chợ Việt nam ở đây thường ở rải rác chứ không tập trung vào thành một khu đông đảo. Những mặt hàng hay sinh hoạt thì ở đâu cũng giống nhau, có khác chăng là cái bề thế của nó. Đó là cái nhìn thoáng qua của một du khách, một người cười ngửa xem hoa như tôi.

Sau bữa ăn trưa, chúng tôi đến thăm “khu lịch sử” nơi Tổng thống *John F. Kennedy* bị ám sát ngày 22 tháng 11 năm 1963. Tại đây tôi như đang được chứng kiến hình ảnh vị Tổng thống Hoa kỳ này ngồi trên xe mui trần và đang được dân chúng hai bên đường hoan hô nồng nhiệt thì ông chợt bị gục quỵ trên tay vợ khi chiếc xe của ông vừa đi vào tầm nhắm của tên sát nhân bắn từ cửa sổ của căn *building* màu gạch đỏ đằng kia. Từ nơi cửa sổ ấy, một viên đạn oan nghiệt đã chấm dứt cuộc đời một vị Tổng thống can đảm và đầy uy quyền của một siêu cường quốc mà quyền uy ấy có thể khuynh đảo thế giới, trong đó có Việt nam ta, một đất nước

gánh chịu ảnh hưởng trực tiếp không nhỏ gây ra bởi viên đạn đó. Tôi chột thờ dài. Một giai đoạn lịch sử trôi qua đã lâu nhưng người dân Dallas vẫn còn cảm thấy như có cái gì chua xót và đáng xấu hổ vì biến cố đó đã xảy ra trên thành phố họ. Tôi không có cái cảm giác chua xót như họ, tôi có nhìn lại đi chẳng nữa thì tôi cũng chỉ nhìn biến cố này như mọi dòng lịch sử khác đang tiếp tục trôi chảy đến vô cùng.

Sau đó, chúng tôi đi bộ đến một công viên nhỏ cách “khu lịch sử” không xa. Một đàn bò độ ba mươi con, với kích thước như thật, bằng đồng, được dựng trên miếng đất trống trong công viên. Tôi chụp vài tấm ảnh với đàn bò ấy rồi tiếp tục đi bộ lang thang trong vài khu phố buôn bán sang trọng trong khu vực.

Chúng tôi lại lên xe, theo sự chỉ dẫn trên bản đồ, đến “Bảo tàng viện nghệ thuật” (*The Dallas Museum of Art*). Đây là một tòa nhà lớn có kiểu kiến trúc tân kỳ chứ không giống như những nhà triển lãm hay bảo tàng viện cổ kính ở châu Âu. Bên trong nhà triển lãm được trưng bày những tác phẩm hội họa hay điêu khắc “hiện đại” (*modern*), nghĩa là rất mới, rất sáng tạo, rất lạ lùng, đã đánh mạnh vào những cảm xúc hoàn toàn mới lạ cho những người thường ngoạn. Có khi tưởng như thật đơn giản thôi nhưng vẫn không kém phần sinh động, đó chính là cái hay mà cá nhân tôi cảm nhận được từ những tác phẩm nghệ thuật ở đây. Cái cảm nhận ấy hoàn toàn khác với những cảm nhận mà tôi có được từ những bảo tàng viện mà tôi có dịp đi thăm ở vài nước bên Á châu, Âu châu, Trung Đông hay Nam Mỹ. Nghệ thuật của người Mỹ, nói thu hẹp ở đây, qua những tác phẩm này, có phải chăng là biểu hiện cho một nền nghệ thuật trẻ trung của một dân tộc trẻ trung đầy sức sống và đầy sáng tạo, hay đúng ra đó là nghệ thuật của một kỷ nguyên *high-tech*. Và cũng phải chăng những tác phẩm nghệ thuật luôn phản ánh những suy tư, nhận thức của thời đại mà chúng được tạo ra.

Dallas đã lên đèn. Chúng tôi đến khách sạn *Hyatt*, một khách sạn tọa lạc ngay tại trung tâm thành phố Dallas, khá sang trọng. Đặc điểm của khách sạn này là có một cái tháp cao (*tower*), trên đỉnh tháp là một nhà hàng ăn (*restaurant*) được bao bọc bởi cái “lồng” hình cầu gắn đèn làm ta có thể nhìn thấy nó từ xa. Nhà hàng có thể quay 360 độ quanh trục đứng của tháp. Từ nhà hàng quay này, ta có thể quan sát được một phần thành phố Dallas. Vừa ngồi ăn vừa được nhìn ngắm thành phố rực rỡ ánh đèn tỏa rộng bốn phương phía dưới thì thật thú vị làm sao. Tôi nhớ lại có những lần, tôi cũng được

hưởng cái thú ngắm nhìn thành phố rực ánh đèn dưới chân từ những “tháp” tương tự như ở những thành phố *San Francisco (California)*, thành phố *Seattle (Washington State)* thuộc Mỹ quốc; ở thành phố *Toronto* với *CN Tower*, thành phố *Vancouver* với *Union Tower* thuộc Canada; ở thành phố Thượng hải với *Oriental Pearl Tower* thuộc Trung quốc.

Sáng sớm hôm sau, sau khi ăn điểm tâm ở khách sạn, chúng tôi lại lên xe thẳng tiến về thành phố *Fort Worth* cách trung tâm thành phố Dallas khoảng 45 phút lái xe để thăm một thiền viện Phật giáo. “Thiền viện Quang Chiếu” này tọa lạc trên một ngọn đồi thấp, do một ni sư thuộc thiền phái Trúc Lâm xây dựng và trụ trì được khoảng 10 năm nay. Ta cũng nên nhớ là phái thiền Trúc Lâm được khai sáng bởi vua Trần Nhân Tông. Sau khi đánh tan quân Mông Cổ vào thế kỷ 13, Ngài đã từ bỏ ngôi vua rồi lên núi Yên tử tu hành và lập nên Thiền phái này. Thiền viện Quang Chiếu có một kiến trúc đồng phương rất uy nghi và thoát tục. Trong khuôn viên thiền viện được xây những hồ sen, núi non bộ và có rất nhiều cây cối trông như một khu rừng nhỏ. Ngoài chính điện ra còn có một số nhà nhỏ dành cho ni sư ở. Được nghe, vào những ngày lễ Phật đản, Vu Lan, Tết nguyên đán... hay những buổi thuyết pháp đặc biệt, Thiền viện thu hút được rất đông người đến tham dự.

Vừa rời Thiền viện Quang Chiếu, chúng tôi lại thẳng tiến về thành phố *San Antonio*. Trên đường, để đánh tan cái không khí buồn tẻ vì những cánh vật bên đường chỉ là những vùng đất phẳng trải rộng, Triều kê cho tôi nghe về một vài chi tiết lịch sử của người Mỹ di dân đầu tiên định cư trên mảnh đất Texas này.

Texas là tiểu bang có diện tích lớn thứ nhì của nước Mỹ, sau *Alaska*. Diện tích tiểu bang Texas, 267 nghìn 277 dặm vuông, tương đương với diện tích của Tây Âu hợp lại. Dân số ngày nay lên tới gần 22 triệu người, tiểu bang đứng hàng thứ nhì về dân số. Vào năm 1820, *Moses Austin*, một kỹ sư mỏ, rất thích thú với vùng đất mới còn thuộc Mễ tây cơ, đã xin chính quyền Mễ tây cơ cho phép 300 gia đình đến định cư ở đây. Một năm sau, *Moses Austin* mất, con trai của Austin là *Stephen Fuller Austin* thay cha đảm nhiệm việc định cư này. Sự thành công của nhóm di dân này đã lôi kéo số người định cư mới lên tới 30 nghìn người sống trên đất Texas. Trong khi đó, sau 300 năm cai trị của Tây ban nha và Mễ tây cơ, số người Mễ định cư ở đây chỉ vón vện có 3 nghìn người. Chính quyền Mễ nhận thấy

có thể số người định cư đông đảo này sẽ tạo nên những vấn đề rắc rối về sau nên đã tìm cách giới hạn sự di dân bằng những luật định mới đầy khắt khe và bất công như truy thu thuế một số kinh doanh đã không bị đánh thuế từ lâu, những người định cư phải là người Thiên Chúa giáo và không được nuôi người nô lệ... mà đa số những người định cư lại đến từ những vùng miền Nam nước Mỹ nên thường đem theo những người nô lệ của họ. Những nhóm người di dân mới này nhận thấy có nhiều bất công trong những luật lệ mới của chính quyền Mễ, nên họ phản ứng lại bằng cách cùng nhau đồng lòng tuyên bố mảnh đất họ đang định cư trở thành vùng “đất tự trị” nhưng không phải là một quốc gia độc lập mà vẫn nằm trong sự cai trị của chính quyền Mễ tây cơ. Chính quyền Mễ đáp lại bằng cách gửi quân đội sang Texas để dễ bề kiểm soát và không chế di dân này, bắt buộc họ phải tuân thủ việc thi hành những luật lệ mới do chính phủ mới ban ra.

Cuối cùng chiến tranh giữa những người Mỹ định cư ở Texas và chính quyền Mễ tây cơ đã bùng phát. Trận chiến nổi tiếng trong lịch sử của Texas là trận chiến “*Battle of the Alamo*” diễn ra ở *San Antonio*, trận chiến anh hùng và đau thương đã làm 187 dân quân (*rebel*) Mỹ bị hy sinh, không một người sống sót. Một trong số những anh hùng hy sinh trong trận chiến này phải kể đến là người mang tên *Davy Crockett*, một người thợ săn nổi tiếng đã từ tiểu bang *Tennessee* đến Texas. Davy đã cùng dân quân chống lại quân đội Mễ. Tôi thấy buồn ngùi trước câu chuyện kể, vì dẫu sao, nay tôi cũng đã là một công dân trong số những dòng người di dân tiếp tục chảy liên tục vào xứ sở này. Tôi còn nhớ tổng thống Hoa kỳ *Jimmy Carter* đã tuyên bố là xứ sở này (Hoa kỳ) đã được tạo nên và phát triển bởi “những người di dân khôn ngoan đầy can đảm.” Nhóm “thuyền nhân”, nói chung là người Việt nam chúng ta, đã hội đủ những điều kiện của lời phát biểu trên và chúng ta có quyền hãnh diện về sự đóng góp của mình trong hơn 30 năm qua vào sự phồn vinh của đất nước này.

Tôi đang miên man suy nghĩ về thành quả của người Việt ta trên đất Mỹ thì Triều ghé vào một *rest area* để mọi người nghỉ ngơi sau một đoạn đường dài tới mấy tiếng lái xe. Nơi nghỉ ngơi này là một khu đất phủ cỏ xanh khá rộng, có bóng mát của một vài cây cổ thụ to. Và ở đây có những máy *vending machine* để mọi người có thể mua nước giải khát hay kẹo hoặc *chip*. Vài con ngỗng to thấy chúng tôi, vội rề rà lạch bạch tới gần, gật gật cái cổ xin ăn.

Sau khi mọi người “nghỉ ngơi” thoải mái xong,

chúng tôi lại lên xe tiếp tục cuộc hành trình đi *San Antonio*. Chẳng bao lâu, chúng tôi đi ngang qua thủ phủ *Austin*. *Austin* cũng khá to vì không những nó là thành phố hành chính, có những trường đại học lớn mà còn là thành phố kinh tế phát triển. *Austin* có tòa nhà Quốc hội tiểu bang lớn nhất so với những tiểu bang khác trên toàn quốc. Tòa nhà này được xây bên bờ sông *Colorado River*. Xe cộ thành phố này cũng đông nhưng thưa dần khi chúng tôi vừa ra khỏi ngoại ô thành phố không xa mấy.

Vừa ra khỏi *Austin*, Triều lại kể tiếp câu chuyện về trận đánh ở thành *Alamo* mà trong lịch sử Hoa kỳ, nhân vật *Davy Crockett* đã trở thành huyền thoại. *Davy Crockett* có dáng người cao to, thông minh và can đảm. *Davy* là tay săn bắn nổi tiếng, có những suy nghĩ độc lập và thích hành động lẻ loi một mình. Chính vì những cá tính này, *Davy* hay tìm nơi sống ở những vùng hoang vu tiến xa về miền Tây hẻo lánh. Nếu những người theo chân ông tới định cư trở nên đông đảo thì ông lại từ bỏ nơi ấy, tiến xa hơn nữa về miền Tây để tìm đất sinh sống mới. Vào thời đó, những người như *Davy Crockett* không hiếm và chính những người này đã góp công vào việc mở mang bờ cõi Hoa kỳ. Mỗi người hay mỗi nhóm đều có một cách khai phá riêng biệt của mình tùy theo hoàn cảnh đề ngày nay biên giới phía Tây của Hoa kỳ đã lan tới tận miền Viễn Tây, được dừng lại trên bờ biển Thái bình dương. *Davy Crockett* sinh ngày 17 tháng 8 năm 1786 ở *Tennessee*. Tới thời kỳ chiến tranh 1812 (cuộc chiến giữa người Mỹ và người Anh, người Anh đã tiến quân vào thủ đô *Washington* và đã đốt tòa nhà Quốc hội *Capitol Hill* và Tòa Bạch ốc) thì *Davy* đã trở thành xạ thủ súng trường nổi tiếng. Ông đóng vai trò người dẫn đường (hướng đạo) cho tướng *Andrew Jackson* (sau này là tổng thống Mỹ) chống lại người da đỏ thuộc bộ lạc *Creek Indians*. Sau chiến tranh Anh Mỹ, ông và gia đình lại di chuyển về miền Tây lần thứ ba. Nơi đất mới này nằm ở phía tây *Tennessee*, bên bờ sông *Obion River*, chưa có chính quyền địa phương. Người hàng xóm gần nhất của ông ở cách xa ông 7 dặm và người hàng xóm kế tiếp của ông cách xa ông 15 dặm. Cái thích thú nhất đối với *Davy Crockett* là ở nơi đây có rất nhiều thú hoang sống trong rừng. Những người di chuyển trên sông *Mississippi* thường hay ghé lại thăm ông vì ông là một người săn gấu nổi tiếng thời bấy giờ. Những câu chuyện về ông được thêu dệt và vang xa cho nên khi ông ở bất cứ nơi đâu, nếu nơi đó có chính quyền địa phương được thành lập thành quận hạt, thì ông

được bầu ngay vào làm dân biểu tiểu bang đại diện cho dân chúng nơi đó. Sau cùng ông lại được bầu vào quốc hội liên bang ở Washington để đại diện cho vùng tây Tennessee. Bản chất ông không phải là chính trị gia, nhưng ông lại rất thích thú công việc chính trị mà ông đảm nhiệm. Tuy nhiên, người ta vẫn chỉ thường nói về ông như một người săn gấu tài ba hơn là một nhà chính trị.

Đến năm 1834, ông ra ứng cử vào quốc hội liên bang lần thứ hai thì ông bị thất bại. Sự thất bại này đã khiến ông chán nản vì ông nghĩ ông đã làm quá nhiều việc trong thời gian ông là dân biểu. Ông nói, dân Tennessee không tin nhiệm ông nữa thì ông sẽ bỏ đi. Với ý tưởng đó ông đã rời bỏ Tennessee để tới Texas nơi mà ông từng nghe thấy có nhiều điều thích thú dù biết nơi đây có thể xảy ra chiến tranh với người Mỹ tây cơ. Trong chuyến đi Texas này, ông được dân chúng đón tiếp một cách nồng hậu và vinh danh ông tại những thành phố mà ông đi qua trên chặng đường di chuyển. Khi tới San Antonio, ông định cư ở phần đất phía nam. Ông thiết lập ngay một đội ngũ những người dẫn đường (*scout*) do chính ông chỉ huy với mục đích khám phá sâu thêm vào những vùng đất mới.

Tình hình San Antonio lúc này đã đổi thay một cách nhanh chóng. Hai nghìn quân Mỹ đang tiến quân về San Antonio dưới sự điều quân của tướng *Antonio López de Santa Ana*. Khi Davy Crockett cùng anh em đồng đội đang đi thám hiểm thì phát giác ra sự chuyển quân của quân đội Mỹ chỉ còn cách San Antonio có 20 dặm. Davy cùng đồng đội vội chạy ngược về để báo tin khẩn cấp. Những dân quân Texas đóng tại nhà thờ cổ *Alamo* của người Tây ban nha để lại làm pháo thủ gồm được 150 người. Số người tự nguyện tham gia trong ngày hôm sau và sau đó đã tăng quân số lên được 187 người. Trong khi chờ đợi sự tấn công của quân đội Mỹ, một cuộc họp được diễn ra để hỏi ý kiến toàn thể mọi người nên rút lui hay chiến đấu và kết quả là mọi người đồng tâm quyết chiến đấu đến cùng, không ai muốn thoát thân dù lúc này vẫn còn cơ hội. Đây là trận chiến đầu tiên của người Texas chống lại chính quyền Mỹ tây cơ. Mọi người biết rằng nếu chiến đấu cầm chân được ít ngày thì hy vọng sẽ có quân tiếp viện.

Triều ngưng nói vì càng tiến gần vào thành phố San Antonio thì số lượng xe cộ càng tăng dần lên một cách nhanh chóng. Chúng tôi đã tiến vào thành phố San Antonio. Thành phố này là một trong những thành phố du lịch của Texas nên đường sá sạch sẽ, mọi khu phố buôn bán được trưng bày rất

mỹ thuật và ngăn nắp. Người đi bộ trong thành phố rất đông đảo và trật tự. Số lượng người đi bộ, có lẽ phần đông là du khách, càng lúc càng trở nên đông đúc khi chúng tôi tiến gần vào khu “di tích lịch sử *Alamo*” hay những khu danh thắng nên thơ chạy dọc theo bờ sông nhỏ nổi tiếng với cái tên *River Walk*. Chúng tôi tìm chỗ đậu xe, tạt vào nhà hàng *Mc Donald* ăn lót bụng rồi sau đó “tiến thẳng” vào khu vực thành *Alamo*.

Thành *Alamo* tọa lạc trên một khu đất rộng. Thành *Alamo* chính là nhà thờ có kiến trúc Tân ban nha (*Spanish church*) do dân quân Texas chiếm giữ. Ngày nay nó vẫn còn giữ được hình dáng kiến trúc nguyên thủy so với ngày mới xây. Du khách đông đảo xen lẫn với người bán hàng lưu niệm rong trước cửa thành. Kê rao người bán ồn ào, đa số là người gốc Mỹ. Du khách chụp hình quay phim vội vã rồi tuần tự xếp hàng bước vào trong thành. Khi chúng tôi vào bên trong, các phòng ốc của nhà thờ vẫn còn nguyên vẹn, có phòng dùng để quay phim giới thiệu trận đánh dài khoảng 15 phút. Những phòng khác trưng bày những hình ảnh của cuộc chiến đấu ấy cùng với hình ảnh của những vị sĩ quan và dân quân trong thành. Càng đi sâu vào bên trong, nhà thờ càng được mở rộng ra. Băng qua một cái sân, tới những gian nhà ngang, thì ở đó, là những phòng “bảo tàng” trưng bày những vũ khí được sử dụng trong trận đánh ấy gồm cả những vật dụng cá nhân. Có cả dao găm và khẩu súng trường của Davy Crockett cũng được để trong tủ kính trưng bày ở đây. Nhiều thứ đáng xem và đáng ghi nhớ lắm. Tôi bị xúc động khi nghe những lời giảng giải của những hướng dẫn viên “bảo tàng” mô tả lại trận đánh một cách tỉ mỉ.

Tôi đứng lặng trong vườn của nhà thờ, quan sát mọi cảnh vật chung quanh và cố hình dung lại những diễn tiến của trận đánh mà tôi vừa được nghe qua. Mỗi nơi từ những chân cột đến góc nhà, từ những bức tường nhỏ đến những bồn hoa đều hiện lên những hình ảnh của những dân quân anh hùng đang phải chiến đấu đến giọt máu cuối cùng. Tôi đứng như để chiêm ngưỡng những người đã từng ngã xuống để mang lại sự sinh tồn và phát triển của những thế hệ đi sau. Bất cứ thời đại nào và bất cứ ở đâu, sự hy sinh của những người yêu nước đều phải được tôn vinh.

Trận chiến như đang diễn ra trước mắt tôi.

Ngày 24 tháng 2 năm 1836, một tối hậu thư với lời lẽ thật lịch sự được gửi cho Trung tá *Travis*, chỉ huy trưởng thành *Alamo*, đại ý nói nếu quân

trong thành không đầu hàng thì sẽ bị pháo binh Mỹ làm nổ tan thành ra từng mảnh nhỏ. Câu trả lời vẫn tắt của Trung tá Travis là "không đầu hàng." Lập tức pháo binh của quân đội Mỹ đã được nã vào tới tấp. Nhờ bức tường dày, nhờ những tay súng sẵn thiện xạ, nhờ lòng dũng cảm, những dân quân trong thành đã đẩy lui được nhiều đợt tấn công của quân địch và tạo cho địch quân phải rút lui lại phía sau. Cuộc tấn công vũ bão khởi đầu của quân Mỹ được coi là thất bại. Không may, Trung tá Travis bị bệnh, phụ tá của ông là *Jim Bowie* lên thay thế, sau đó cũng bị bệnh, Davy Crockett được đề nghị lên thay để chỉ huy trận đánh. Davy Crockett đã từ chối đề nghị này và nói "*Điều đó thật không cần thiết, mọi người đang chiến đấu một cách kiên cường, tôi sẽ di chuyển tới những chỗ cần thiết để tiếp sức với anh em.*"

Cầm cự được tới ngày thứ mười thì tình hình trong thành trở nên bi đát. Những dân quân bị mất ngủ vì quân Mỹ tấn công gần như liên tục. Ở trong thành, đạn dược đã cạn, nhiều người chết và bị thương, lời kêu gọi cầu cứu đã được gửi đi khắp nơi nhưng không có hồi âm. Ở ngoài thành, tướng *Santa Ana* chuẩn bị cho một cuộc tấn công dứt điểm. Cơ hội thoát thân vẫn còn, nhưng mọi chiến binh đều từ chối khi được hỏi, không một ai muốn rời bỏ cuộc chiến đấu này.

Buổi xế trưa ngày mùng 5 tháng 3, trận chiến chậm lại và dứt hẳn. Nhưng tới đêm hôm đó, những chiến binh trong thành nghe thấy đối phương bên ngoài đang chuẩn bị cho một cuộc tấn công quy mô đã sẵn sàng. Rồi lệnh tấn công được thét vang, từng đoàn quân, ngựa, súng *canon* được di chuyển tới trước cửa thành. Hàng loạt súng lớn nhỏ được khai hỏa và những toán quân tấn công được yểm trợ bởi những loạt đạn bắn liên tục vào thành. Những chiếc thang được đem tới, hàng trăm quân Mỹ leo lên thang cố vượt qua những bức tường để xâm nhập vào thành. Tốp này bị bắn xuống, tốp khác lại tức khắc leo lên. Tiếng reo hò tấn công, tiếng ngựa hí, tiếng súng nổ vang trời đang uy hiếp tinh thần chiến đấu của những chiến binh trong thành nhưng họ đã không nao núng, quyết chiến đấu tới cùng, không một ai bỏ chạy. Cửa thành chính đã bị phá thủng. Quân Mỹ tràn vào như thác đổ, đồng thời quân địch cũng đã vượt được qua những bức tường thành. Các chiến binh trong thành đã phải lui dần vào phía trong nhà thờ. Trong hoàn cảnh này, súng ống đã trở nên vô dụng nên các dân quân phải đánh cận chiến với quân thù bằng lưỡi lê, kiếm hay dao găm.

Từng chiến binh ngã xuống và bị dồn vào phía

sau sân nhà thờ. Davy Crockett đã chiến đấu can trường trong tuyệt vọng và sau cùng ông cũng phải ngã quỵ cùng với đồng đội của ông. Ông chết đi, cuộc tấn công cũng chấm dứt. Cái chết của ông và những dân quân giữ thành Alamo được nhân dân Texas tôn vinh như những anh hùng trong lịch sử Hoa kỳ. Cuộc chiến đấu kéo dài đúng 13 ngày đêm.

Ngày hôm sau, quân Mỹ cho hỏa thiêu những chiến binh Mỹ tử trận ở đây. Có một điều, nếu quân đội Mỹ chậm tấn công khoảng 12 ngày thì tình hình trận chiến ở thành Alamo có thể thay đổi vì lúc đó "chính quyền tạm thời" của Texas vừa được thành hình để đối phó với tình thế mới, đã cho phép thành lập ngay một lực lượng quân đội để chống lại quân Mỹ tây cơ. Vài tháng sau, chính lực lượng quân đội của Texas mới thiết lập này do tướng *Sam Houston* cầm đầu đã đánh bại quân đội Mỹ và chính tướng *Santa Ana* đã bị bắt cầm tù.

Tôi rời khỏi thành Alamo với tâm trạng buồn ngùi thương xót cho những người đã trải thân mình cho sự tồn vong của mảnh đất Texas mà nhiều người di dân đã từng bỏ công khai phá và xây dựng nên nó. Đó là sự hy sinh cao cả mà toàn dân Hoa kỳ ngày nay không thể quên. Tôi cũng thấy buồn ngùi cho những quân nhân Mỹ tây cơ đã nằm xuống để bảo vệ sự vẹn toàn lãnh thổ của quê hương mình.

Chúng tôi đi bộ tới khu *River Walk*, nơi đây có dòng sông chảy phía dưới sâu so với mặt đường thành phố. Khu này được chính quyền thành phố San Antonio khai thác như một thắng cảnh du lịch. Con sông này nhỏ thôi, với chiều ngang của nó chỉ đủ cho hai chiếc thuyền "tam bản" nhỏ chờ mươi người du khách chạy ngược chiều nhau. Dòng nước chảy thật êm đềm nên ta có thể coi nó như một dòng suối thay vì là một dòng sông. Hai bên bờ sông là những quán cà phê, cửa hàng bán đồ lưu niệm, nhà hàng và khách sạn, khung cảnh rất nên thơ và tình tứ. Ta có thể tản bộ bên bờ sông dài khoảng vài dặm dưới tàn cây rợp bóng mát của những cây cổ thụ, hay ta có thể ngồi uống cà phê bên vỉa hè bên bờ sông như ta thường thấy ở Châu Âu để nhìn người qua lại, hay để thả hồn mình theo tiếng mái chèo khua nước của những chiếc thuyền "tam bản" qua lại xen lẫn tiếng nhạc êm dịu của nhà hàng vọng ra, hay ngắm nhìn soi bóng nước của những cành cây to vươn ra sông lung linh với ánh nắng chiều. Bắc qua sông là những chiếc cầu gạch theo kiến trúc cổ. Du khách có thể đứng trên cầu soi bóng mình trên dòng sông lờ lờ chảy phía dưới. Chúng tôi đi bộ không biết mệt bên bờ sông. Có một vài khu nhà ở xây cất thật xinh xắn và trình bày

bên ngoài mỹ thuật vô cùng, tôi lần thân tự hỏi những ngôi nhà ấy được xây lên để người ta ở hay chỉ là để làm đẹp làm “duyên” với du khách và để mang nhiều sắc thái thay đổi cho khu du lịch này. Chúng tôi chụp vài tấm ảnh kỷ niệm tại những vườn hoa con con xinh xắn. Tôi tưởng tượng, vào những buổi chiều tối, ánh đèn điện vàng hai bên bờ sông hắt xuống dòng sông sẽ làm dòng sông trở nên lung linh huyền ảo là bao. Và, hay vào những hôm mưa nhẹ, dòng sông như được phủ sương mờ, tưởng như đâu đó có vài “câu hò mái đẩy” trên dòng sông Hương vọng lại từ xa, sẽ làm tôi thương nhớ quê hương biết là bao.

Chúng tôi rời khu River Walk trong nuối tiếc để đến một khu hàng ăn người Mỹ. Ở nơi đây mọi sinh hoạt thật ồn ào náo nhiệt làm sao. Tiếng nhạc Mỹ vui nhộn từ những nhà hàng ăn hắt ra làm chân tôi như cũng muốn nhún nhảy theo trên từng bước chân đi. Ở khu vực người Mỹ này có vài nhà hàng hai tầng lầu, có lan can xây theo kiểu Pháp và được trang trí y như những căn nhà hàng ở khu *French Quarter* của người Pháp ở thành phố *New Orleans* (Louisiana) làm tôi ngạc nhiên. Nhà hàng ăn nhiều quá, màu sắc thật rực rỡ theo văn hóa Mỹ. Chúng tôi chưa biết chọn quán nào thì bỗng Triều bám vào tay tôi ra dấu, đồng thời kéo tôi vào một quán ăn đang có hai cô chiêu đãi viên người Mỹ xinh xắn, mặc y phục cổ truyền sắc sỡ, đang thập thò ngoài cửa mời chào. Tôi theo chân Triều ngay. Nhà tôi và cô em theo sau cùng nói “*Biết ngay mà!*” Bên trong nhà hàng, thực khách cũng khá đông và tất nhiên là rất ồn ào theo đúng truyền thống Mỹ. Nhà hàng tất nhiên cũng được trang trí đầy màu sắc rực rỡ. Triều biết nói bập bẹ ít tiếng Mỹ nên được cả hai “nàng” chiếu cố một cách đặc biệt, còn tôi ra rìa. Chúng tôi chụp hình lưu niệm với hai cô. Hai “ả” sung sướng ra mặt, khúc khích cười tít cả mắt nhưng không quên thỉnh thoảng liếc nhìn ông chủ nhà hàng lấy điểm. Tới khi tôi đứng lên trả tiền và cho “tip” hai cô mới dành cho tôi sự “sùng ái” vớt vát, muộn màng.

Sau khi ăn uống no say, chúng tôi vội lên xe đi *Houston* cho kịp vì vợ chồng cô em nhà tôi, sinh sống ở *Houston* từ lâu, đã chuẩn bị và đang nóng lòng chờ đón chúng tôi. Trên đường đi *Houston*, hai người ngồi sau đã thiu thiu ngủ, chỉ còn tôi và Triều. Hai anh em tiếp tục nói chuyện với nhau. Triều cho tôi biết *San Antonio* cũng còn dính dáng một chút với lịch sử Hoa kỳ trong thời kỳ chiến tranh giữa người Mỹ và Tây ban nha vào năm 1898 trên đất *Cuba*. Mỹ giúp *Cuba* đánh lại độc lập từ tay

người Tây ban nha. Cuộc chiến tranh giải phóng của *Cuba* thành công trong đó có sự đóng góp của quân đội Mỹ và cũng nhờ một phần vào đội quân *Rough Riders* không giống ai do *Theodore Roosevelt* chiêu binh, gồm tập hợp những thành phần “hỗn tạp” mà đa số là những chàng *cowboys* Texas. Đội quân *Rough Riders* chưa bao giờ là những chiến binh thật sự và cũng chưa bao giờ có thói quen sống chung với những người khác. *Theodore Roosevelt* đã huấn luyện đoàn quân này ở *San Antonio*, sau đó được gửi sang *Cuba* chiến đấu bên cạnh quân đội Mỹ. Trong chiến đấu, họ tỏ ra can trường nhưng hỗn tạp đã mang đến những câu chuyện nực cười trong chiến trận. Họ đã tham gia vào một trận đánh quyết định và lừng danh trên đồi *San Juan Hill* gần thành phố *Santiago* của *Cuba*. Sự đóng góp của đoàn quân do *Theodore Roosevelt* thành lập này đã đưa tên tuổi ông lên và đã đóng góp vào việc ông trở thành tổng thống Hoa kỳ sau này. Câu chuyện Triều kể còn dài, nhưng tôi chỉ lưu ý một điểm là đoàn quân *Rough Riders* kỳ lạ vì tính chất hỗn tạp của nó đã được huấn luyện ở thành phố *San Antonio*, nơi có biến cố lịch sử “thành *Alamo*” nổi tiếng.

Tôi cũng nhắc Triều kể cho tôi nghe tiếp câu chuyện sau khi quân đội Mỹ hạ được thành *Alamo* một cách oanh liệt, *Houston* đã làm thế nào để chiến thắng đoàn quân này và cầm tù được tướng *Santa Ana* mà Triều đã tạm ngừng ở đó. Triều mỉm cười cho biết là Triều sẽ kể cho tôi nghe về riêng cá nhân *Houston* trước khi trả lời tôi câu hỏi trên. Hiểu biết về *Sam Houston* thật là cần thiết và thú vị nếu ta muốn biết tường tận về lịch sử hình thành của tiểu bang Texas.

Sam Houston có một cá tính đặc biệt và một đời sống khác thường. Ông sinh đẻ ở *Virginia* nhưng theo gia đình di chuyển về tiểu bang *Tennessee* lúc mới chỉ còn là cậu bé con. Ông không thích đến trường nhưng lại thích đọc sách nên kiến thức của ông rất rộng. Khi đủ tuổi trưởng thành ông gia nhập quân đội và trở thành sĩ quan theo đoàn quân của tướng *Andrew Jackson* đánh dẹp quân da đỏ *Creek Indians*.

Sau đó ông giải ngũ và hành nghề luật sư ở *Tennessee*. Ông bắt đầu tham gia chính trường năm 30 tuổi và đã đắc cử dân biểu liên bang đại diện cho tiểu bang *Tennessee* trong quốc hội ở *Washington*. Sau đó ông làm thống đốc tiểu bang *Tennessee*. *Houston* có một diện mạo cao khỏe, ông giống đặc tính người bạn thân của ông tức tổng thống *Andrew Jackson* là rất năng động và có tài lôi cuốn quần

chúng. Người ta tin rằng Houston sẽ có thể trở thành tổng thống tương lai của Hoa kỳ.

Trước khi nhiệm kỳ thống đốc chấm dứt, đột nhiên ông từ nhiệm không một lời giải thích, nhưng người ta tin rằng nguyên nhân là do sự cãi vã trong gia đình. Rồi Tennessee, ông đến *Arkansas* và sống trong bộ lạc da đỏ *Cherokee Indians*. Khi còn nhỏ, ông đã là bạn và là thành viên của bộ lạc này. Khi dời đến *Arkansas*, ông tìm đến bộ lạc này và sống liên tục với họ vài năm trong vai trò cố vấn. Với ý phục của người da đỏ, vài lần ông đã từng đến Washington với tư cách đại diện chính thức cho bộ lạc *Cherokee* này.

Năm 1833, ông đến Texas để thương lượng về một số vấn đề của người da đỏ. Ông tỏ ra rất thích thú về vùng đất Texas và ông đã quyết định định cư ở đây. Ông bắt đầu vận động cho một Texas tự trị vì lúc này Texas còn thuộc về Mỹ tây cơ và đó cũng là nguyện vọng chung của toàn thể những di dân đã đến và sinh sống ở đây. Chính quyền Mỹ tây cơ từ chối mọi đề nghị của dân Texas.

Ta cũng nên biết, vào năm 1835, sau một năm dành được độc lập từ tay người Tây ban nha, tướng Antonio Lopez de Santa Ana, tự nhận mình là “*Napoleon của miền Tây*”, trở thành tổng thống của Mỹ tây cơ và đã mang vài ngàn quân đi chinh phạt dân Texas. Cuộc tấn công đầu tiên diễn ra tại thành Alamo và 187 dân quân Texas đã bỏ mình trong trận chiến này, không một người sống sót như đã nói ở trên.

Ảnh hưởng của trận đánh tại thành Alamo rất lớn. Chính quyền Texas vừa được thành lập sau cuộc họp ở thành phố *Washington-on-the-Brazo* ở vùng đông nam Texas. Dân số ở đây chỉ vón vện có từ 25 tới 30 người sinh sống và do đó chính quyền mới không giải quyết được gì cho thành Alamo. Chính quyền mới tuyên bố độc lập. Houston được giao trách nhiệm thống lĩnh quân đội (*commander*). Thật là buồn cười khi Houston nhận lãnh trách nhiệm này vì quân đội trong tay ông chỉ có năm ba người, trong đó có người bạn của ông được phong làm trung uý. Nhóm người này di chuyển ngay đến *Gonzalez* vì ở đây có 375 dân tình nguyện xin gia nhập quân đội đang chờ đợi ông ở bên bờ sông *Guadalupe River*. Họ chỉ là thường dân chưa được huấn luyện và không có kiến thức gì về quân đội bao giờ. Ông đã đích thân huấn luyện gấp rút ngày đêm và tổ chức thành đội ngũ. Ông biết tướng Santa Ana thể nào cũng tới truy kích ông nên ông vừa huấn luyện vừa rút lui dần lên phía bắc. Và tướng

Santa Ana cũng tiên đoán là Houston sẽ lui về phía bắc để được sự bảo vệ tại biên giới Hoa kỳ. Santa Ana tin rằng ông sẽ tiêu diệt được Houston và đem lại sự vẹn toàn lãnh thổ cho Mỹ tây cơ.

Sự rút lui liên tục của Houston đã làm binh sĩ và sĩ quan dưới quyền ông thất vọng. Họ đã tranh cãi với ông và muốn ông dừng quân lại quyết một trận sống mái với quân Mỹ, ít ra cũng gây được sự tin tưởng cho người dân Texas. Ông đã không nghe và nhất quyết tiến hành theo kế hoạch của ông.

Quân đội của Houston ngày càng đông thêm, một số người cũ bỏ đi thì một số mới được thay vào. Quân số nay đã tăng lên được là 783 người. Súng ống và đạn dược đã được tiếp viện khá đầy đủ. Hai khẩu súng cày-nông loại “6 pounds” (sức nặng của viên đạn) đã được nhân dân thành phố *Cincinnati* của tiểu bang *Ohio* tặng. Ông tiếp tục huấn luyện binh sĩ của ông không ngừng nghỉ. Nhiều sĩ quan dưới quyền ông than phiền là sự huấn luyện như thế là không cần thiết. Nhưng Houston biết rằng nếu binh sĩ của ông không được huấn luyện kỹ càng và chịu đựng gian khổ như thế để có thể chiến đấu giỏi thì sẽ bị thua trận ngay vì lực lượng đối bên quá chênh lệch, mặc dù Santa Ana đã phạm lỗi lầm vì chủ quan đã chia đều đoàn quân tinh nhuệ mấy ngàn người ra làm 4 toán, mỗi toán đi một phía khác nhau. Lực lượng do Santa Ana chỉ huy nay còn 1600 người nhưng cũng đã nhiều gấp đôi so với con số chỉ có gần 800 người của Houston. Khi đối diện với một lực lượng chính quy đông đảo như thế của địch quân, chiến binh của ông phải biết tuân lệnh, phải biết chiến đấu tới người cuối cùng nếu cần.

Ngày 15 tháng 4 năm 1836, từ phía đông của sông *Brazos River*, bắt chợt Houston quay ngược về phía nam. Việc rút lui liên tục đã chấm dứt. Mọi người vui mừng vì đoàn quân nay đã đổi hướng và đang tiến về hướng trực diện với quân đội Santa Ana. Lúc này, vị trí đóng quân của Santa Ana, phía nam là vịnh *Galveston Bay*, phía đông là sông *San Jacinto River*, phía bắc là *Buffalo Bayou* hướng mà quân đội Houston đang băng qua và tiến tới. Santa Ana đã rơi vào một cái bẫy do chính ông ta tự chọn. Nếu ông ta muốn lui binh thì chỉ còn một con đường duy nhất là dùng phà băng qua sông *San Jacinto River*, mà điều đó thật là nguy hiểm hay có thể nói là không thể thực hiện được.

Sau khi vượt qua *Buffalo Bayou*, Houston triệu tập binh sĩ để ra huấn lệnh và trình bày kế hoạch tấn công. Ông hỏi có ai muốn rời khỏi trận đánh này

không vì ông cho phép họ được chọn lựa trước khi lâm trận nhưng mọi người quyết tâm ở lại chiến đấu. Binh sĩ ông cùng ông hô to “*Hãy nhớ tới Alamo*”, “*Chiến thắng hay là chết*”, “*Không rút lui, không đầu hàng*.”

Ngày ngày hôm sau, hai bên cùng dàn trận trên một cánh đồng lớn phía bắc Galveston, không xa nơi đóng quân của mỗi bên. Santa Ana chỉ gửi một toán quân nhỏ ra trận để thăm dò lực lượng của Houston. Houston dùng súng cà-nông pháo kích vào toán quân này. Toán quân Mễ rút lui, quân lính của Houston muốn đuổi theo nhưng Houston không cho phép, rút về trại. Suốt ngày hôm đó không có gì xảy ra, tới đêm, mọi người không ngủ yên vì tin rằng trận đánh sẽ diễn ra đêm đó. Một đêm yên tĩnh trải qua, cũng không có chuyển biến gì. Sáng ngày hôm sau, Houston, khác với thường ngày, ông dậy trễ, yên lặng và bình thản. Ông dùng điểm tâm với một miếng bánh ngô khô. Và suốt sáng hôm đó ngồi nghiên cứu bản đồ hành quân. Theo kế hoạch của ông, ông sẽ ra lệnh tấn công vào buổi xế trưa vì ông biết vào giờ đó quân đội Mễ thường ngủ trưa.

Vào 3 giờ rưỡi trưa, ông ra lệnh tấn công. Đoàn quân tiến gần đến mục tiêu, hai khẩu súng cà-nông khai hỏa vào phòng tuyến địch, quân Mễ bắn trả bằng súng trường một cách mạnh mẽ. Quân của Houston được lệnh không được bắn trả, từ từ tiến quân cho tới khi có thể nhắm bắn quân địch chính xác từng phát một. Houston cười ngửa trắng đi đầu. Khi tới gần tầm bắn, Houston ra lệnh khai hỏa. Binh sĩ của ông vừa bắn vừa chạy nhào tới quân địch để đánh cận chiến vừa hét to “*Hãy nhớ tới Alamo! Hãy nhớ tới Alamo!*” Câu hét này đã đi vào lịch sử. Quân Mễ không kịp trở tay và không quen đánh cận chiến nên cánh quân tiền vệ đã phải tháo lui, tiền tuyến bị chọc thủng. Với lưỡi lê, dao găm, súng lục của quân đội, Houston tả xung hữu đột dồn quân Mễ đến chỗ tan rã, vứt súng ống và chạy tứ tán trên cánh đồng trống. Người chết, kẻ bị thương hay đầu hàng rất nhiều.

Nói về Santa Ana, ông ta đang ngủ trưa khi trận chiến bắt đầu. Với cặp mắt chưa tỉnh ngủ hẳn, ông chỉ kịp mặc vội chiếc áo với với cầu vai màu đỏ, chạy vội ra khỏi lều bạt (*tent*). Mọi người chạy tán loạn, ông không còn chỉ huy được ai nữa và ông vừa chợt trông thấy viên tướng giỏi nhất của ông là *Almont* đã bị đánh tan rã hoàn toàn. Santa Ana chỉ còn biết nhảy lên con ngựa đen, cao lớn và phóng chạy thoát thân khỏi chỗ này càng sớm càng tốt.

Toàn bộ toán quân do tướng Santa Ana nay

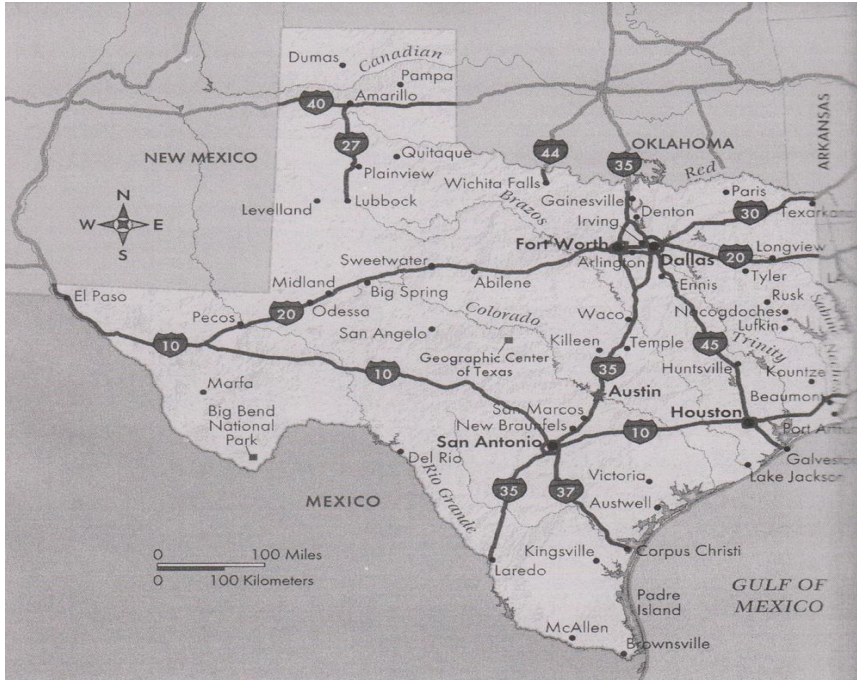
hoàn toàn bị đánh bại. Những quân lính còn sống thì chạy tán loạn trên cánh đồng, nhiều người bị giết và nhiều người khác bị bắt làm tù binh. Sáng hôm sau, cách đây vài dặm, một người bé nhỏ, với chiếc áo nhà binh với cầu vai đỏ đang ngồi buồn bã bên dòng suối. Người đó chính là tướng Santa Ana và ông ta đã bị bắt và được dẫn tới trước mặt Houston. Tất cả tù binh Mễ khi thấy viên tướng chỉ huy của mình thì đồng thanh la to lên “*Tổng thống muôn năm! Tổng thống muôn năm!*” Đúng vậy, Santa Ana là Tổng thống Mễ tây cơ và cũng kiêm nhiệm chức vụ thông lãnh quân đội. Sau đó Santa Ana và toàn thể tù binh Mễ được thả ra với điều kiện được thỏa thuận trước là tất cả phải trở về Mễ.

Trận chiến *San Jacinto* đã chiến thắng hoàn toàn và một nước *Cộng hòa Texas* độc lập đã được thiết lập. Sự độc lập của Texas được kéo dài từ 1836 tới 1845 và Houston đã trở thành Tổng thống đầu tiên của nước Texas và *Stephen Austin* làm Bộ trưởng Ngoại giao.

Sau đó, Texas trở thành tiểu bang thứ 28 của nước Mỹ. Houston đã được bầu vào chức vụ Thượng nghị sĩ của Texas trong Quốc hội liên bang tại Washington trong vòng 13 năm. Houston đã phục vụ đất nước trong suốt 50 năm. Ngày nay người Texas vinh danh ông như một anh hùng vĩ đại và là cha đẻ của một nước Cộng hòa Texas độc lập. Sự xin gia nhập của nước Cộng hòa Texas để trở thành một tiểu bang của Hoa kỳ cũng không phải là chuyện đơn giản.

Trở lại năm 1836, dân Texas chưa dứt khoát được sự chọn lựa đường hướng chính trị và ngoại giao của mình. Trong quốc hội Texas chia làm hai phe, một phe muốn Texas trở thành một nước độc lập nhưng liên minh với Hoa kỳ thay vì Âu châu, một phe, trong đó có Houston, muốn trở thành tiểu bang của Hoa kỳ, vì như vậy Texas có thể buôn bán với những tiểu bang khác mà lại được Hoa kỳ bảo vệ. Cuối cùng quốc hội Texas đồng thuận muốn Texas trở thành tiểu bang của Hoa kỳ. Nhưng Quốc hội Hoa kỳ đã phải tranh cãi nhiều năm mà vẫn chưa ngã ngũ ra sao. Hoa kỳ chưa muốn nhận Texas làm tiểu bang của mình vì ngại rằng cơ nguy chiến tranh với Mễ tây cơ sẽ xảy ra và Texas hiện đang theo đuổi chính sách dùng nô lệ. Houston dọa là sẽ liên minh với Âu châu thay vì Hoa kỳ. Lời dọa này khiến quốc hội Hoa kỳ phải đi đến kết luận chấp nhận Texas trở thành tiểu bang của Hoa kỳ với điều kiện Texas phải tự thanh toán hết những món nợ đang có và ngược lại đất đai của Texas thuộc về người Texas chứ không phải thuộc về Hoa kỳ.

Người dân Texas đã sửa đổi hiến pháp của mình ngày 4 tháng 7 năm 1845 và quốc hội Texas đã biểu quyết để trở thành tiểu bang của Hoa kỳ. Và Hoa kỳ ký quyết định Texas trở thành tiểu bang của Hoa kỳ ngày 29 tháng 12 năm 1845.



Tôi lắng nghe Triều kể. Tôi thấy Triều như có lúc sôi động hẳn lên nhất là khi tả lại trận chiến ác liệt giữa Houston và Santa Ana. Tôi cũng bị kích thích theo lời kể nên đã không ngủ gà ngủ gật như hai bà ngồi phía sau. Tôi cũng thầm cảm ơn Triều đã lái xe về đến thành phố Houston một cách an toàn. Khi tới Houston, vợ chồng cô em nhà tôi đã chờ sẵn với mâm cơm thịnh soạn. Sau khi ăn uống, nói đàm ba câu chuyện thăm hỏi, chúng tôi đi ngủ sớm để còn đủ sức cho cuộc hành trình ngày mai đi Galveston.

Sáng hôm sau, khi chúng tôi tỉnh dậy thì mọi việc đã chuẩn bị xong, chỉ cần xong bữa ăn sáng là chúng tôi có thể lên đường đi Galveston ngay. Lái xe từ Houston đến Galveston không xa. Galveston là một địa danh nổi tiếng trong cộng đồng người Việt nam ta ở Texas vì có một đội ngũ đông đảo "thuyền nhân" ta đến đây lập nghiệp bằng nghề đánh cá từ những năm khởi đầu có những cuộc định cư của người Việt ta trên đất Mỹ. Sự hội nhập và thành công của người Việt ở Galveston đã lôi kéo ông bà bảo trợ (sponsor) người Mỹ cho gia đình tôi từ trại tị nạn Kuku ở Nam dương vào Mỹ. Có điều buồn cười là sự thành công của người Việt nam ta ở Galveston lại không phải là sự thành công của ông

bà bảo trợ của tôi. Ông đã từng là *Manager* của hãng điện thoại *Pacific Bell* ở Shreveport, Louisiana, ông cũng đã từng đứng ra bảo trợ cho nhiều gia đình Việt nam từ trại tị nạn trong vùng *Missouri* lạnh lẽo về Shreveport năm 1975, và ông

cũng đã từng đưa họ vào làm việc trong hãng ông làm. Mọi người Việt nam vẫn nhớ ơn ông cho tới ngày nay và chúng tôi vẫn về thăm ông bà bảo trợ này khi có dịp. Trong thời gian đó, có một gia đình Việt nam, cũng do ông bảo trợ, đã bỏ việc ở *Pacific Bell* để di chuyển về Galveston làm nghề đánh cá. Sự thành công của gia đình này đã làm ông bà bảo trợ của tôi quyết định về hưu sớm trước vài năm. Ông bà bán nhà, sắm tàu bè, theo chân người Việt nam ta đi Galveston đánh cá. Sau hai năm, ông bà bán tàu, quay trở lại Shreveport mua cái *trailer* (*mobile home*) để ở. Có một hình ảnh thật trái ngược và trở trêu là trước đó, hai ông bà bảo trợ ở nhà (*house*), còn đám tị nạn người

Việt được ông đem về đây đều ở *trailer*. Sau khi đi "lập nghiệp" ở Galveston về thì mọi người Việt đã ở nhà (*house*), còn ông bà thì lại ở *trailer*. Tôi thấy ông bà bảo trợ của tôi vẫn có đời sống yên vui và hạnh phúc sung sướng với hoàn cảnh mới và xem chừng ra ông bà ấy nhắc lại chuyện đổi thay này như một điều hãnh diện. Tinh thần lạc quan trong cuộc sống của người Mỹ là như thế đấy, chúng tôi coi đó như một bài học tốt.

Chúng tôi đã tới *Galveston*. Hôm nay thời tiết thật đẹp, cái đẹp của tháng năm. Trời không lạnh mà cũng không nóng, mây trắng bay trên bầu trời cao xanh biếc. Ta cũng nên biết, vào những năm 1800, Galveston là thành phố lớn nhất của Texas. Vào năm 1900, Galveston bị một trận bão tàn phá với số người chết lên tới 6000 người, một thiên tai khốc hại nhất thời bấy giờ, nên thành phố đã cho xây một bức tường dọc theo bờ biển để bảo vệ thành phố. Bây giờ người ta có thể chạy bộ hay đi *skate* dọc theo bức tường xây đó. Tại Galveston có nhiều thắng cảnh để xem. Đáng chú ý nhất là "bảo tàng lịch sử" của thành phố này. Ta cũng nên nhắc lại là Galveston đã xảy ra hai trận chiến, một vào thời kỳ giao tranh của Texas với người Mễ giữa Houston và Santa Ana và một là trận chiến đầm

máu trong thời kỳ Nam Bắc chiến tranh (1861-1865) đã diễn ra tại đây vào ngày Tết tây năm 1863. Sự chiến thắng thuộc về quân đội miền Bắc.

Chúng tôi đi phà (*ferry*) băng qua vịnh Galveston. Bên đó có một thành phố, có thể gọi là thành phố cổ vì nhà cửa xây theo kiến trúc cũ, nhà nhỏ thôi nhưng rất xinh xắn, cửa hàng rất ngăn nắp và đường xá thật sạch sẽ. Chúng tôi lang thang bên thành phố ấy đến xế chiều thì lại đi phà quay trở về thành phố Galveston. Những đàn chim hải âu bay theo phà xin ăn. Gió biển mát thổi lồng lộng làm chúng tôi cảm thấy khoan khoái vô cùng. Chúng tôi thuê được căn “*duplex*” ngay trên bãi biển để hưởng gió biển và sự êm đềm về đêm. Bãi biển Galveston không đẹp vì cát màu nâu sậm, trông như bùn.

Có một điều đáng được kể lại ở đây là chiều tối hôm đó, chúng tôi đang đi tản bộ trên bãi biển không đèn thì nhận ra, sau những đợt sóng biển đánh vào bờ, khi sóng rút ra đã để lại những con cua biển bằng bàn tay bò lổm ngổm trên bãi cát. Chúng tôi vội chạy về lấy thùng đựng đá để bắt cua. Chúng tôi cứ lấy dép mà hất cua vào thùng. Cái thích thú thứ hai là khi chúng tôi lội xuống nước, chưa tới đầu gối, đàn cá ở đâu đi ngang qua, cá to bằng cổ tay giống như cá lóc của mình cứ quẩn vào chân. Chúng tôi không có vợt nên dùng bao rác hót cũng được một số cá lớn. Thế là sau độ một tiếng đồng hồ, chiến lợi phẩm mang về là một thùng đá đựng đầy cua và cá. Có một điều đáng kể nữa là bãi biển Galveston có rất nhiều muối, chúng tôi đến sung cả người mặc dù chúng tôi đã có sẵn kiến dùng bao rác, chọc thùng lỗ để choàng qua đầu làm “áo giáp.” Muối Galveston đốt thì đau lắm. Ấy thế mà tôi vẫn bắt gặp những cặp trai gái ngồi tâm tình trong bóng tối trên bờ biển, họ giỏi chịu đựng thật. Kê ra, đó cũng là điều lạ đáng nói của bãi biển Galveston về đêm tối. Họ có mấy tay để đủ đập muối.

Sáng hôm sau chúng tôi rời Galveston để tới bãi biển *Corpus Christi* (*corp of Chist*). Đây là bãi biển đẹp đã thu hút hàng trăm nghìn du khách tới đây hàng năm. Thời tiết ở đây ấm nên thích hợp cho việc tắm biển hay phơi nắng. Có nhiều khu cắm trại. Có một địa danh của thành phố mang tên *Padre Island National Seashore*, bãi biển cát trắng và có nhiều vỏ trai ốc đẹp. Và nên nhớ một điều là nếu ta muốn hưởng sự yên tĩnh trên bờ biển để nghe sóng vỗ thì chớ bao giờ tới Padre Island này vào mùa Xuân vì hàng nghìn học sinh sẽ tới đó tụ tập vui chơi trong những ngày “nghỉ mùa xuân” (*spring break*) của học trò. Thành phố này cũng còn có

“Bảo tàng Văn hóa Á châu” (*The Asian Cultures Museum*) hay “Hồ nuôi cá” (*The Texas State Aquarium*). Chúng tôi cứ tiếp tục lái theo xa lộ dọc theo bờ biển của vịnh Mễ tây cơ (*gulf of Mexico*) xuôi về hướng cực Nam, gần ranh giới Hoa kỳ và Mễ.

Như một nhà sử học, Triều lại kể tôi nghe, vào thời kỳ Texas vừa trở thành tiểu bang của Hoa kỳ, chỉ một năm sau (1846), cuộc chiến tranh lại đã xảy ra giữa Hoa kỳ và Mễ tây cơ về việc tranh chấp biên giới. Theo Hoa kỳ thì lần ranh giới giữa hai nước được phân định bằng dòng sông *Rio Grande*, về phía Mễ thì muốn biên giới của mình phải tiến sâu vào nội địa của Texas về phía Bắc, được định biên giới bằng con sông *Nueces River*. Chiến tranh biên giới xảy ra và chiến thắng lại ở về phía Hoa kỳ. Trong hiệp ước *Guadalupe Hidalgo*, không những Mễ chịu công nhận ranh giới cũ, tức là sông *Rio Grande*, mà còn chịu bán một vùng đất lớn cho Hoa kỳ với giá 15 triệu đô-la gồm hầu hết đất của những tiểu bang *New Mexico, Arizona, California, Colorado*, và *Nevada* ngày nay. Đồng thời, chính phủ Hoa kỳ cũng đã mua một phần ba đất của Texas với giá 10 triệu đô la. Vùng đất mua này của Texas sau này là một phần hay toàn bộ đất đai của năm tiểu bang *New Mexico, Oklahoma, Kansas, Colorado*, và *Wyoming*. Với số tiền này, it ra tiểu bang Texas đã trả được nợ trong thời kỳ khó khăn kinh tế của những năm mới độc lập và lúc đó chưa được trở thành tiểu bang của Hoa kỳ. Trong thời kỳ này thật khó khăn cho nước Texas non trẻ vì ngành ngoại thương với Âu châu đã bị khựng lại.

Texas được hưởng thanh bình chẳng được bao lâu thì cuộc nội chiến Nam Bắc (1861-1865) xảy ra. Đã nhiều năm, những tiểu bang miền Bắc và những tiểu bang miền Nam đã không đồng ý được với nhau về chế độ nô lệ người da đen. Người miền Bắc muốn giải phóng người nô lệ, người miền Nam thì không. Những tiểu bang miền Bắc lúc này đã trở thành những vùng kỹ nghệ, những tiểu bang miền Nam còn là vùng nông nghiệp nên rất cần nô lệ trong việc canh nông. Năm 1861, 11 tiểu bang miền Nam liên kết với nhau và đồng tách khỏi những tiểu bang miền Bắc để trở thành nước độc lập được gọi là *Confederate States*. Những tiểu bang miền Bắc được gọi là *Union*.

Ngay khởi đầu, Thống đốc Texas là Sam Houston đã chống lại việc Texas tách rời ra khỏi Hoa kỳ. Ông tuyên bố “*Nếu Texas tách ra khỏi Hoa kỳ thì chiến tranh sẽ xảy ra.*” Và ông tiếp “*Nếu chúng ta không chết vì bom đạn thì chúng ta cũng*

chết vì đói khát.” Quốc hội tiểu bang Texas liền cách chức Houston và thiết lập ngay một chính phủ mới liên minh với lực lượng miền Nam thuộc Confederate States ngày mùng 1 tháng 2 năm 1861. Vài trận đánh đã xảy ra trên đất Texas, trong đó có trận xảy ra tại Galveston vào ngày Tết tây năm 1863 như đã nói. Texas đã đóng góp trong cuộc nội chiến này với 70,000 quân cùng quân lương quân dụng cho lực lượng miền Nam. Cuối cùng, vào tháng 4 năm 1865, quân đội miền Nam đầu hàng. Chiến tranh Nam Bắc đã chấm dứt, nhưng tin tức đến chậm, một tháng sau trận chiến ở *Palmito Ranch* thuộc Texas mới thật sự kết thúc, đó là trận chiến cuối cùng của Nam Bắc chiến tranh. Sau gần một tháng chiến tranh chấm dứt, ngày 19 tháng 6 năm 1865, tướng *Gordon Granger* thuộc quân đội miền Bắc đã đến Galveston. Ông tuyên bố “*Kể từ hôm nay, tất cả những người nô lệ được giải phóng.*” Những người nô lệ da đen vui mừng và biến ngày hôm đó thành ngày lễ hội “*Juneteenth*” (*June nineteenth*) của Texas ngày nay.

Hậu chiến Nam Bắc, nền kinh tế Texas cũng bị rơi vào chỗ thê thảm, cạn kiệt ngân sách. Texas và những tiểu bang thuộc Confederate States được cai trị dưới chế độ “quân quản” khắc nghiệt. Họ phải xây dựng lại quê hương họ một cách khó khăn mà không còn sự giúp sức của những người nô lệ xưa. Những người nô lệ đó nay đã được chính phủ Hoa kỳ tái định cư tại những vùng kỹ nghệ miền Bắc hay giúp đỡ họ chuyển nghề. Đa số trong số họ đã định cư tại những thành phố lớn, chỉ còn một số nhỏ quay về với nông trại.

Tôi xin mở một đầu ngoặc ở đây để nói về những chàng “chăn bò” (*cowboy*), một biểu tượng rất đặc thù và nổi tiếng của Texas. Thời “hung thịnh” của những chàng chăn bò này phải được kể là thời gian hậu chiến tranh Nam Bắc. Nói về Texas mà không nhắc tới những chàng chăn bò mà ta thường gọi là những chàng “cao bồi Texas” này thì thật là một thiếu sót lớn.

Những chàng cao bồi Texas

Năm 1870 người Texas chấp nhận quay trở lại với chính quyền liên bang Hoa kỳ. Trong thời gian này, các nông trại không còn một xu dính túi nhưng họ nhận ra rằng trong tay họ còn có những đàn bò hoang, loại sừng dài, sừng đồng đúc trên những cánh đồng cỏ xanh thuộc miền Tây Texas. Những đàn bò hoang vô chủ này sẽ thuộc về những ai có thể bắt được chúng. Hình ảnh của những chàng “cao bồi” mà ta được thấy qua những phim ảnh của

Hollywood ngày nay đã được phát sinh. Những chàng cao bồi này đã xua từng đàn bò từ vùng đồng cỏ Texas theo những đường mòn (*trail*) qua San Antonio, Austin, và Fort Worth, rồi băng qua *Oklahoma* để đến *Abilene* thuộc tiểu bang *Kansas*. Con đường di chuyển này được gọi là *Chisholm Trail*. Năm 1871, con đường này rất nhộn nhịp, có tới 600 nghìn con bò đã được di chuyển trên tuyến đường này. Ta cũng nên nói rõ thêm là những con bò hoang này đã đến đây từ thời những nhà thám hiểm Tây ban nha mang tới. Một số bò trốn thoát và chúng sinh sôi rất nhanh tại cánh đồng cỏ xanh tươi thuộc miền Tây Texas.

Không phải chỉ những đàn bò hoang sừng dài được bắt đem bán mà cũng còn có cả những đàn bò sừng ngắn đã được các nông trại nuôi trước cuộc Nam Bắc chiến tranh. Cách nuôi bò và di chuyển bò được bắt chước từ người Mỹ, ngay cả y phục của những chàng cao bồi với nón rộng vành, quần áo ngoài bằng da của những chàng cao bồi người Mỹ thời đó như ta đã thấy trong phim ảnh. Trong chiến tranh, mọi thanh niên Texas đều gia nhập quân ngũ, gia súc không người chăn nuôi, nhưng những đàn bò vẫn được sinh sôi một cách nhanh chóng mà thịt chúng không được cung ứng cho thị trường.

Texas thuộc lực lượng miền Nam (Confederate States) nhưng dòng sông Mississippi thuộc vùng đất của lực lượng này bị quân đội miền Bắc (Union) kiểm soát. Do đó, trong khi quân đội miền Nam ở Virginia chết đói mà lương thực của Texas lại không chuyển vận lên tiếp tế cho Virginia được. Trận chiến khốc liệt và lừng danh trong quân sử Mỹ của tướng *Ulysses S. Grant*, tướng tổng tư lệnh của quân đội miền Bắc, đã diễn ra để hầu chiếm đóng và kiểm soát được dòng sông Mississippi chiến lược này.

Khi chiến tranh kết thúc, 6 triệu con bò được nuôi ở Texas không được sử dụng tới. Trong khi đó, miền Bắc, với một nền kinh tế hưng thịnh, nhu cầu về thịt cần được cung cấp rất nhiều. Trong chiến tranh, mọi nguồn thịt đều được phục vụ cho quân đội, hàng triệu người dân miền Bắc đang có nhu cầu rất cao về thịt. Sự cung ứng tại chỗ không được bao nhiêu. Giá thịt bò tăng rất cao mà trong khi đó ở Texas, giá một con bò chỉ có một đô la. Do đó, nhiều đàn bò được chuyển lên hướng Bắc. Ta cũng nên biết là hệ thống “đường sắt” (*railroad*) mới chỉ được xây dựng tới miền tây của *Kansas*. Vấn đề được đặt ra là làm sao di chuyển được những đàn bò tới Kansas. Thị trấn *Abilene* của Kansas đã trở thành “chợ bò” quan trọng cho thị

trường bò Texas. Thành phố *Dodge*, Kansas, sau đó trở nên quan trọng hơn Abilene và được mệnh danh là “kinh đô” của những chàng cao bồi. Bò được chuyển đến những tỉnh thuộc Kansas, và sau đó, chúng được chuyển thẳng tới *Chicago* bằng xe lửa.

Cuộc buôn bán bò hưng thịnh này kéo dài được 15 năm. Hàng chục triệu con bò đã được di chuyển trên những cánh đồng của Great Plains. Trên con đường dài này, đàn bò chỉ có thể di chuyển một cách chậm chạp, có khi vài tháng, có khi cả năm mới tới được nơi bán mà những chàng cao bồi phải bảo vệ bò suốt 24 giờ một ngày.

Rồi tới năm 1880, tình hình thị trường bò thay đổi. Đôi khi những đoàn bò được di chuyển tới nơi mà không bán được ngay. Chúng phải được nuôi dưỡng trên những cánh đồng cỏ để nuôi béo tốt trở lại sau những ngày di chuyển. Do đó hàng trăm những trại bò được thành lập dọc theo đường di chuyển để nuôi dưỡng bò chờ ngày mang ra chợ bán. Những trại bò này được tăng trưởng cả về số lượng lẫn kích thước. Có trại rất lớn, do người giàu mua lại đất của những trại nhỏ, đã có diện tích lớn hơn diện tích của tiểu bang *Rhode Island*, đó là trại *The King Ranch* còn hoạt động tới ngày nay. Ta cũng nên mở đầu ngoặc ở đây là vào năm 1862, để khuyến khích dân chúng đến định cư ở miền Tây (tính từ sông Mississippi), Quốc hội Hoa kỳ đã thông qua dự luật “*Homestead Act*”, luật này cho phép những công dân Mỹ trên 21 tuổi đến đây lập nghiệp được cấp 160 mẫu tây (*acres*) đất để khai khẩn. Một lần sóng di dân tràn vào vùng này. Những người di dân mới tới theo đạo luật này đã thiết lập những nông trại riêng cho mình. Ban đầu những chàng cao bồi Texas không quan tâm đến những trại tư nhân mới thiết lập và ngang nhiên dẫn đàn bò của mình băng qua những mảnh đất đã có chủ ấy. Nhưng tới năm 1875, dây kẽm gai được phát minh, những trại chủ vùng này đã dùng dây kẽm gai để làm hàng rào cho khu đất của mình. Những chàng cao bồi đã đáp ứng lại bằng những hành động rất ư là “cao bồi”, đó là họ đã rào những hàng rào lớn hơn bao quanh những hàng rào của những trại chủ. Các gã cao bồi này lại còn lấp những nguồn nước, ngăn chặn những con đường mòn và ngay cả những trục lộ giao thông chính. Một cuộc chiến tranh “cắt dây kẽm gai” bùng phát. Quyền lợi của những trại chủ được pháp luật bảo vệ. Và cuối cùng, tình hình công việc chung của những chàng cao bồi đã bị giới hạn dần bởi sự gia tăng phẩm chất của thịt bò, hệ thống đường sắt được nối dài thêm ra, sự đánh cắp bò không còn xảy

ra nữa và cuộc chiến tranh “cắt dây kẽm gai” đã đi vào dĩ vãng. Đến năm 1885, là năm chấm dứt thời kỳ oai hùng trên lưng ngựa hay thời kỳ “thơ mộng” của những chàng cao bồi cùng nhau ngồi đánh đàn *banjo* hay thổi *khẩu cầm* dưới ánh trăng giữa lòng sa mạc hoang vắng. Những chàng cao bồi hay con cháu họ ngày nay đã đổi nghề và đang hăng say làm việc trong những công xưởng kỹ nghệ dầu hỏa hay những kỹ nghệ tân tiến khác và ngay cả trong lãnh vực kỹ thuật cao (*high tech*).

Sau khi viếng thăm Corpus Christi chúng tôi trở lại Houston. Houston là thành phố lớn nhất của Texas. Trong những ngày đầu lập quốc, Houston đã từng là thủ đô tạm thời của nước Texas. Sau đó thủ đô được dời sang Austin. Houston mang đủ tính chất của một thành phố lớn của nước Mỹ. Hệ thống xa lộ chằng chịt, xe cộ tấp nập và những cao ốc vươn cao. Sinh hoạt của cộng đồng Việt ta rất sầm uất, đặc biệt là những sinh hoạt chính trị và văn hóa nghệ thuật khá nhộn nhịp. Tất nhiên là Houston có những khu chợ Việt nam với “thứ gì cũng có”, nhưng không tập trung vào một chỗ mà lại chia ra nhiều khu, có lẽ vì bị ảnh hưởng bởi sự chia thành năm (5) khu vực kinh doanh vốn sẵn có của thành phố Houston. Thành phố Houston là thành phố có nhiều công nghiệp nặng, kể cả ngành hàng không lẫn y khoa, nhưng nổi bật nhất vẫn là “công nghiệp năng lượng” đứng hàng đầu thế giới, đặc biệt là “kỹ nghệ dầu hỏa” và những phó sản hoặc những kỹ nghệ có liên quan đến những trang thiết bị, tàu chuyên chở phục vụ cho kỹ nghệ này.

Nói đến Houston nói riêng hay Texas nói chung mà ta không nhắc sơ qua ngành dầu hỏa ở vùng này thì thật là một thiếu sót lớn cũng như nếu không nhắc tới những chàng cao bồi Texas vậy. Khởi thủy thì vào thời kỳ “cao bồi Texas” chấm dứt, một biến cố mới khác được phát sinh. Năm 1894, những người thợ đang đào giếng nước thì, bất chợt, thay vì nước, dầu thô, một thứ được thời đó mệnh danh là “vàng đen” đã từ lòng đất phun lên. Dầu thô đã được khai thác sau đó. Có 5 giếng dầu nhỏ với khả năng khai thác được 150 nghìn thùng một năm. Trong sáu năm sau, giếng dầu *Corsicana*, với trữ lượng trong lòng đất có chiều dài 5 dặm, có chiều ngang 2 dặm, đã sản xuất được 850 nghìn thùng dầu thô một năm.

Một thương gia tên *J.S.Cullinan*, đến từ Pennsylvania, xây dựng những nhà máy lọc dầu (*refinery*) để biến dầu thô thành dầu xăng tinh lọc và những phó sản. Cullinan cũng áp dụng vào xe lửa, dùng dầu thay vì dùng than. Ông ta bắt đầu kỹ

nghe dầu ở Texas với cái tên *Texas Fuel Company*, và sau này người ta biết đến công ty dầu này qua tên *Texaco Inc*, một trong những hãng dầu lớn nhất thế giới.

Rồi vào ngày 10 tháng 1 năm 1901, dầu được phun lên từ giếng dầu *Spindletop* gần tỉnh *Beaumont*. Giếng dầu này đã sản xuất được 17 triệu thùng trong năm 1901. Chỉ trong vòng một năm sau đó, hơn 100 giếng dầu lớn nhỏ đã được khai thác ở cùng một khu vực của *Spindletop*. Điều đó chứng tỏ khai thác những giếng dầu không còn là những chuyện tình cờ nữa. Tìm kiếm và khai thác dầu đã lan rộng trên toàn Texas và bắt đầu mở một kỷ nguyên mới cho Texas : *kỷ nghệ dầu hỏa*.

Chúng tôi biết ở thành phố Houston có nhiều chỗ để đi thăm thú và nhiều thắng cảnh đẹp thu hút nhiều du khách về đây, như nào là ta có thể đi thăm những Bảo tàng viện lịch sử Texas (*The Museum of Texas History*), Bảo tàng Nghệ thuật (*Museum of Fine Art*) trưng bày những tác phẩm nghệ thuật của Ai cập, Hy Lạp, La mã và châu Âu, được mở cửa từ năm 1924, và nó cũng là Bảo tàng nghệ thuật đầu tiên của Texas. Ta cũng có thể đi thăm “Khu chợ cổ” (*Old Market Square*) hay “Sở thú” (*The Houston’s zoo*) và nhất là, thật thích thú biết bao

khi ta tới thăm “Trung tâm Không gian Houston” để xem những phi thuyền và hiểu biết làm sao những phi hành gia có thể sống và làm việc trên không gian. Nhiều và còn nhiều lắm những nơi chốn để ta tới xem trong thành phố Houston này. Thú thực, chúng tôi ghé thành phố Houston trong một thời gian đôi ngày ngắn ngủi, lại dành quá nhiều thời giờ cho những người thân trong gia đình nên sự hiểu biết về thành phố Houston này thật chẳng là bao. Chúng tôi mong có ngày được trở lại thành phố này lần nữa để được biết thêm về nó nhiều hơn.

Chúng tôi từ già Texas để trở lại về Shreveport. Và từ đó chúng tôi đáp máy bay để về San Jose nơi chúng tôi đang sinh sống. Khi đặt chân tới San Jose, cảm giác đầu tiên của tôi là được trở về nhà để tiếp tục mọi sinh hoạt bình thường hàng ngày một cách thoải mái hơn sau những ngày lang thang dù là cuộc đi chơi nào cũng mang cho tôi nhiều thích thú. Texas là nơi đất lành chim đậu, đặc biệt đối với người Việt tỵ nạn chúng ta. Thương nhớ Texas nhiều. Vội ghi lại vài hàng những kỷ niệm nhớ nhớ quên quên của tuổi chớm già thất thập.

Nguyễn Giụ Hùng

Hòn Đá Ném Đi

(Trích Liên mạng)

Khoảng cách ngắn nhất giữa con người và chân lý là một câu chuyện --- Anthony de Mello

Văn hào Nga Leon Tolstoi có kể câu chuyện ngụ ngôn như sau: Có một người hành khất nọ đến trước cửa nhà của một người giàu có để xin bố thí. Một đồng xu nhỏ hay một miếng bánh vụn, đó là tất cả những gì người ăn xin chờ đợi nơi người giàu có. Nhưng mặc cho người khốn khổ van xin, người giàu có vẫn ngoảnh mặt làm ngơ. Đến một lúc không còn chịu nổi những lời van xin của người hành khất, thay vì bố thí, người giàu đã lấy đá ném vào con người khốn khổ.

Người hành khất lặng lẽ lấy hòn đá cho vào bị rồi thì thầm trong miệng: *"Ta mang hòn đá này cho đến ngày nhà ngươi sa cơ thất thế. Ta sẽ dùng nó để ném trả lại ngươi."*

Đi đâu, người hành khất cũng mang theo hòn đá ấy. Tâm hồn ông lúc nào cũng cuu mang sự báo thù.

Năm tháng qua đi. Lời chúc dữ của người hành khất đã thành sự thật. Vì biền lận, người giàu có bị tước đoạt tất cả tài sản và bị tổng giam vào ngục. Ngày hôm đó, người hành khất chứng kiến cảnh người ta áp giải người giàu vào ngục. Nổi căm hờn sôi sục trong lòng ông. Ông đi theo đoàn người áp tải. Tay ông không rời bỏ hòn đá mà người giàu có đã ném vào người ông cách đây mười mấy năm. Ông muốn ném hòn đá đó vào người tù để rửa sạch mọi nhục hằn đeo đẳng bên ông. Nhưng cuối cùng, nhìn thấy gương mặt tiêu tụy đáng thương của kẻ đang bị cùm tay, người hành khất thả nhẹ hòn đá xuống đất rồi tự nhủ: *"Tại sao ta phải mang nặng hòn đá này từ bao nhiêu năm qua? Con người này, giờ đây, cũng chỉ là một con người khốn khổ như ta."*

Trao ban tiền của, trao ban thì giờ, trao ban chính mạng sống mình là điều xem ra dễ làm hơn trao ban lòng tha thứ. *Tha thứ là tuyệt đỉnh của yêu thương bởi vì tha thứ là yêu thương chính kẻ thù của mình.*